

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/DS-ST

Ngày: 30-11-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diên.

2. Bà Võ Thị Thúy An .

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2017/QĐXXST-DS ngày 26/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-DS ngày 17/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh G. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh G. Vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào khoảng nửa tháng giêng năm 2016 âm lịch, ông S có mượn của ông T, chị T 06 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 98% để cầm trả nợ cho Ngân hàng, khi vay tiền lại được sẽ chuộc vàng trả, nhưng sau đó ông S không trả. Anh T, chị T đã nhiều lần đòi nhưng ông S, bà X không trả. Ban lãnh đạo ấp mời ông S, bà X để giải quyết nhưng ông S, bà X không chấp hành và cũng không trả vàng. Nay

anh T, chị T yêu cầu ông S, bà X trả 06 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 98%.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị X vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.*

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2017 ông S trình bày: Ông S, bà X có mượn của anh T, chị T 06 chỉ vàng 24 kara và hứa đến cuối năm 2017 sẽ trả; còn nếu như anh T, chị T muốn lấy liền thì chưa có vàng trả, ông S chỉ có thể giao chiếc xe trị giá 16.000.000 đồng trừ nợ, còn thiếu bao nhiêu ông S bù cho anh T, chị T cho đủ 06 chỉ vàng 24 kara.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Năm 2011 Ngân hàng Nhà nước đã không cho thực hiện cho vay bằng vàng, do đó đề nghị tuyên hợp đồng vay vàng giữa anh T, chị T với ông S, bà X vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị X cùng có nghĩa vụ trả cho anh T, chị T 06 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Anh T, chị T cho ông S mượn 06 chỉ vàng 24 kara, tuy nhiên vàng là vật tiêu hao theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật Dân sự năm 2005, vật tiêu hao thì không phải là đối tượng của hợp đồng cho mượn nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” (vay không lãi suất). Bị đơn có nơi cư trú tại ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Xét thấy:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông S, bà X các văn bản tố tụng nhưng ông S, bà X không đến Tòa án để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không dự phiên tòa là tự đánh mất quyền được hòa giải, quyền tranh tụng tại phiên tòa.

[3] Tháng 01/2016 âm lịch vợ chồng anh T, chị T có cho ông S vay 06 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%). Theo anh T, chị T trình bày thì ông S mượn vàng để cầm lấy tiền trả Ngân hàng, nhưng theo ông S trình bày thì việc ông mượn vàng là để làm chi phí về quê (Hà Nội) thăm gia đình.

Như vậy về số nợ ông S thừa nhận, các đương sự trình bày không mâu thuẫn về số nợ nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết, sự kiện có thật, không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 quy định về việc chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng, do đó hợp đồng vay vàng giữa các đương sự vô hiệu, các bên hoàn trả lại nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 127, 128, 137, 410 của Bộ luật Dân sự năm 2005; theo đó ông S, bà X phải trả 06 chỉ vàng 24 kara đã nhận cho anh T, chị T.

Về thời gian thanh toán nợ: Ông S yêu cầu anh T, chị T cho hạn đến cuối năm 2017 âm lịch hoặc ông S giao ngay chiếc xe Suviva cho anh T, chị T trừ nợ, giá trị xe là 16.000.000 đồng, còn thiếu bao nhiêu ông S sẽ bù ngay cho anh T, chị T. Yêu cầu này của ông S không được anh T, chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận.

[4] Nghĩa vụ trả nợ: Ông S vay vàng để cầm trả nợ Ngân hàng hay làm chi phí về thăm quê cũng đều là sử dụng vào mục đích chung của gia đình, việc vay vàng thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông S, bà X nên vợ chồng ông S, bà X phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh T, chị T.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 127, 128, 137, 410 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị X cùng trả cho anh Trương Văn T, chị Phạm Thị Kiều T 06 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%).

[6] *Án phí sơ thẩm*: Yêu cầu của anh T, chị T được chấp nhận nên căn cứ Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông S, bà X phải cùng chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127, 128, 137, 410 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11; Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước; Điều

6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên hợp đồng vay vàng giữa anh Trương Văn T, chị Phạm Thị Kiều T với ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị X vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị X cùng liên đới trả cho anh Trương Văn T và chị Phạm Thị Kiều T **06** (sáu) chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%).

2. Án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị X cùng chịu án phí là **300.000** đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Trương Văn T và chị Phạm Thị Kiều T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 510.000 đồng (Năm trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005353 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận